

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên	
Ông Phan Công Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên	
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Ông Hoàng Việt	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 10 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		256.726.231.974	236.132.099.760
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.515.958.690	13.696.547.566
111	1. Tiền		9.062.129.805	11.666.352.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.453.828.885	2.030.195.278
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.787.350.000	8.787.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.787.350.000	8.787.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		228.574.881.009	212.770.409.853
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.278.747.019	16.991.843.461
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.297.032.909	4.811.900.549
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		191.919.347.435	178.513.242.652
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.955.886.605	14.611.718.428
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.876.132.959)	(2.158.295.237)
140	IV. Hàng tồn kho	9	422.478.623	740.789.293
141	1. Hàng tồn kho		422.478.623	740.789.293
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.425.563.652	137.003.048
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.425.563.652	137.003.048
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		583.686.511.906	343.223.410.079
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		334.514.062.282	329.342.547.282
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		295.979.062.282	295.979.062.282
214	2. Phải thu nội bộ dài hạn		38.520.000.000	33.300.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	15.000.000	63.485.000
220	II. Tài sản cố định		173.521.272.591	8.114.888.674
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	173.521.272.591	8.089.688.674
222	- Nguyên giá		261.874.235.467	14.579.640.677
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.352.962.876)	(6.489.952.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	25.200.000
228	- Nguyên giá		252.000.000	252.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(252.000.000)	(226.800.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	74.004.038.784	5.237.120.330
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		74.004.038.784	5.237.120.330
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.647.138.249	528.853.793
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.647.138.249	528.853.793
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		840.412.743.880	579.355.509.839

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		527.213.760.942	272.100.519.517
310	I. Nợ ngắn hạn		314.418.257.441	48.952.965.525
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.394.134.156	931.267.397
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	214.190.233	90.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.129.228.977	599.118.874
314	4. Phải trả người lao động		809.732.642	1.041.673.617
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.438.118.070	3.946.848.403
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		287.959.058.482	35.301.186.027
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	380.877.300	165.840.000
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	19	7.463.297.085	6.647.410.711
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	9.621.136.073	221.136.073
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		212.795.503.501	223.147.553.992
335	1. Phải trả nội bộ dài hạn		128.943.717.689	127.446.030.362
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	22.734.464.284	20.484.202.102
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	61.117.321.528	75.217.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		313.198.982.938	307.254.990.322
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	313.198.982.938	307.254.990.322
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.271.572.161	31.327.579.545
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.453.803.475	(7.880.421.861)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		14.817.768.686	39.208.001.406
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		840.412.743.880	579.355.509.839



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng

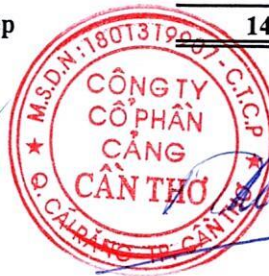
Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	50.587.058.717	31.182.127.556
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.587.058.717	31.182.127.556
11	4. Giá vốn hàng bán	24	25.147.544.113	11.073.620.278
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.439.514.604	20.108.507.278
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	211.788.174	204.860.783
22	7. Chi phí tài chính	26	1.661.387.982	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.661.387.982</i>	<i>-</i>
25	8. Chi phí bán hàng	27	104.708.642	115.606.696
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	9.064.401.677	5.932.642.469
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.820.804.477	14.265.118.896
31	11. Thu nhập khác	29	2.974.339	1
32	12. Chi phí khác	30	6.010.130	27.125.814
40	13. Lợi nhuận khác		(3.035.791)	(27.125.813)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.817.768.686	14.237.993.083
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.817.768.686	14.237.993.083



[Signature]
Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

[Signature]
Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.817.768.686	14.237.993.083
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.786.769.996	602.640.739
03	- Các khoản dự phòng		717.837.722	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(211.788.174)	(204.860.783)
06	- Chi phí lãi vay		1.661.387.982	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.771.976.212	14.635.773.039
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(21.151.586.130)	(20.667.008.211)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		318.310.670	110.294.202
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.867.658.704	8.290.798.048
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.406.845.060)	(1.137.837.656)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.768.287
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(4.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.399.514.396	1.233.787.709
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.577.242.065)	(247.848.182)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		697.138.793	132.338.565
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.880.103.272)	(115.509.617)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(4.700.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.700.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.819.411.124	1.118.278.092
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.696.547.566	3.651.236.750
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		17.515.958.690	4.769.514.842

Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 10 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo quyết định số 23/QĐ-HĐQT của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức của Công ty, Công ty quyết định sáp nhập Chi nhánh Công ty Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui về Văn phòng của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ từ 31/12/2019. Do đó, toàn bộ các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến Cảng Cái Cui được ghi nhận tại Văn phòng Công ty dẫn đến doanh thu, chi phí tăng so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng	Sóc Trăng	Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu	Thành phố Cần Thơ	Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Văn phòng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 47	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	02 - 14	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.825.419.358	2.219.257.817
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.236.710.447	9.447.094.471
Các khoản tương đương tiền	8.453.828.885	2.030.195.278
	17.515.958.690	13.696.547.566

Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng có giá trị 8.453.828.885 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,0%/năm.

4 . ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.787.350.000	-	8.787.350.000	-
	8.787.350.000	-	8.787.350.000	-

(*) Tại 30/06/2020 Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7%/năm tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP XNK và Đầu tư Trường Sơn	2.111.551.525	(585.265.720)	1.378.397.670	(585.265.720)
Công ty TNHH Thanh Phương	2.085.635.497	-	1.747.847.070	-
Công ty TNHH Duyên Hải Star	1.712.806.327	-	492.361.615	-
Công ty CP Cơ khí hàng hải Miền Bắc	600.000.000	(536.500.000)	1.173.000.000	(536.500.000)
Công ty TNHH Kỹ thuật môi trường Bắc Nam	834.525.040	-	376.057.140	-
Phải thu khách hàng khác	11.934.228.630	(792.396.237)	11.824.179.966	(74.558.515)
	19.278.747.019	(1.914.161.957)	16.991.843.461	(1.196.324.235)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	14.586.000	-	119.077.200	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Bách Việt	1.863.115.200	-	1.876.191.200	-
Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Miền Nam	278.000.000	(278.000.000)	278.000.000	(278.000.000)
Công ty CP Giải pháp Cảng và hậu cần	331.160.000	-	403.160.000	-
Đối tượng khác	1.199.257.709	-	1.629.049.349	-
	4.297.032.909	(903.500.000)	4.811.900.549	(903.500.000)
Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	13.000.000	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	485.350.619	-
Tạm ứng	6.507.197.141	-	3.962.673.486	-
Ký cược, ký quỹ	4.000.000	-	4.000.000	-
Tổng Công ty hàng Hải Việt Nam	-	-	348.101.000	-
Phải thu lợi nhuận hợp tác kinh doanh Công ty TNHH Thạnh Phương	3.892.185.443	-	4.542.185.443	-
Phải thu khác	1.775.106.084	(58.471.002)	3.657.872.040	(58.471.002)
	15.955.886.605	(58.471.002)	14.611.718.428	(58.471.002)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	-	-	48.485.000	-
	15.000.000	-	63.485.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	3.892.185.443	-	4.890.286.443	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

8 . NỢ XẤU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Cơ khí hàng hải Miền Bắc	600.000.000	63.500.000	1.173.000.000	636.500.000
- Công ty CP XNK và Đầu tư Trường Sơn	2.111.551.525	1.526.285.805	1.378.397.670	793.131.950
- Ông Phan Nhã Trúc	42.485.000	-	42.485.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	-	625.500.000	-
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Miền Nam	278.000.000	-	278.000.000	-
- Các khoản khác	901.692.301	93.310.062	183.854.579	93.310.062
	4.559.228.826	1.683.095.867	3.681.237.249	1.522.942.012

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.038.629	-	-	-
Hàng hoá	388.439.994	-	740.789.293	-
	422.478.623	-	740.789.293	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công trình cảng Cái Cui (*)	74.004.038.784	4.944.665.784
- Dự án khác	-	292.454.546
	74.004.038.784	5.237.120.330

(*) Công trình cảng Cái Cui chia làm 2 giai đoạn:**(i) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I**

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2020: Dự án đã cơ bản hoàn thành và đưa vào khai thác, tuy nhiên còn một số gói thầu thi công chưa hoàn thành và quyết toán.

(ii) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2020: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.019.750.001	349.738.708	7.127.951.968	34.000.000	48.200.000	14.579.640.677
- Mua trong kỳ	-	3.287.225.455	-	532.105.000	-	3.819.330.455
- Điều chuyển tăng tài sản	209.233.083.010	6.188.249.076	30.968.925.993	-	494.582.282	246.884.840.361
- Điều chuyển giảm tài sản	(1.280.307.790)	-	(2.129.268.236)	-	-	(3.409.576.026)
Số dư cuối kỳ	214.972.525.221	9.825.213.239	35.967.609.725	566.105.000	542.782.282	261.874.235.467
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.739.201.604	69.289.775	4.629.923.684	31.166.685	20.370.255	6.489.952.003
- Khấu hao trong kỳ	3.304.255.980	341.276.423	1.042.003.858	30.547.115	43.486.620	4.761.569.996
- Điều chuyển tăng tài sản	56.092.912.616	2.425.047.536	20.996.963.062	-	41.232.595	79.556.155.809
- Điều chuyển giảm tài sản	(665.992.579)	-	(1.788.722.353)	-	-	(2.454.714.932)
Số dư cuối kỳ	60.470.377.621	2.835.613.734	24.880.168.251	61.713.800	105.089.470	88.352.962.876
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	5.280.548.397	280.448.933	2.498.028.284	2.833.315	27.829.745	8.089.688.674
Tại ngày cuối kỳ	154.502.147.600	6.989.599.505	11.087.441.474	504.391.200	437.692.812	173.521.272.591
<i>Trong đó:</i>						
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.806.010.644 đồng.						

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại 30/06/2020, Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 252.000.000 đồng và 252.000.000 đồng. Khấu hao ghi nhận vào chi phí trong kỳ là 25.200.000 đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	355.627.801	61.602.271
Chi phí sửa chữa	385.095.227	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	684.840.624	75.400.777
	<u>1.425.563.652</u>	<u>137.003.048</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	916.044.371	261.032.438
Chi phí sửa chữa	465.173.952	169.580.946
Chi phí trả trước dài hạn khác	265.919.926	98.240.409
	<u>1.647.138.249</u>	<u>528.853.793</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Phát triển Hiệp Phong	362.903.600	-	594.930.000	594.930.000
Công ty CP Dầu khí Abe	292.260.000	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	738.970.556	-	336.337.397	-
	<u>1.394.134.156</u>	<u>-</u>	<u>931.267.397</u>	<u>594.930.000</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>87.465.113</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Cảng vụ Hàng Hải Cần Thơ	60.000.000	60.000.000
Đối tượng khác	154.190.233	30.000.000
	<u>214.190.233</u>	<u>90.000.000</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÁNG CÀN THO

Số 2, KV Phú Thẳng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		599.118.874		2.511.904.353		1.089.382.864		-		2.021.640.363	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		3.198.698.856		91.110.242		-		3.107.588.614	
Các loại thuế khác	-		-		60.957.256		60.957.256		-		-	
	-		599.118.874		5.771.560.465		1.241.450.362		-		5.129.228.977	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
- Chi phí cước vận chuyển, bốc xếp	641.752.310		3.649.031.764	
- Chi phí thuê kho	393.064.050		123.444.000	
- Chi phí phải trả khác	403.301.710		174.372.639	
	1.438.118.070		3.946.848.403	

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê kho, văn phòng	380.877.300	165.840.000
	<u>380.877.300</u>	<u>165.840.000</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	86.925.213	-
- Bảo hiểm xã hội	253.398.586	-
- Bảo hiểm y tế	45.742.502	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	19.874.396	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	803.500.000	51.500.000
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	5.835.407.671	6.165.297.279
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	418.448.717	430.613.432
	<u>7.463.297.085</u>	<u>6.647.410.711</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.049.558.200	460.684.000
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.661.387.982	-
- Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn ngân sách đầu tư	20.023.518.102	20.023.518.102
	<u>22.734.464.284</u>	<u>20.484.202.102</u>
c) Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>7.496.795.653</u>	<u>6.165.297.279</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (1)	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (2)	-	-	14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
			14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
	221.136.073	221.136.073	14.100.000.000	4.700.000.000	9.621.136.073	9.621.136.073
b) Vay dài hạn						
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (2)	75.217.321.528	75.217.321.528	-	4.700.000.000	70.517.321.528	70.517.321.528
	75.217.321.528	75.217.321.528	-	4.700.000.000	70.517.321.528	70.517.321.528
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						
	75.217.321.528	75.217.321.528	-	-	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
					61.117.321.528	61.117.321.528

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này nhận bàn giao từ khi sáp nhập Cảng Cái Cui vào Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ năm 2013.

(2) Văn bản nhận nợ số 01/2019 và 02/2020 ngày 30/09/2019 kèm theo phụ lục hợp đồng số 1 với các điều khoản chi tiết sau:

+ Số tiền vay: 75.217.321.528 đồng;

+ Mục đích vay: Vinalines bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II".

+ Thời hạn của hợp đồng: 8 năm;

+ Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 70.517.321.528 đồng;

+ Các biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan	30/06/2020		01/01/2020	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ⁽¹⁾	221.136.073	-	221.136.073	-
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ⁽²⁾	70.517.321.528	1.661.387.982	75.217.321.528	-
	70.738.457.601	1.661.387.982	75.438.457.601	-
Mối quan hệ:				
(1) Công ty trong cùng tập đoàn				
(2) Công ty mẹ				
21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU				
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	275.281.179.597	646.231.180	(7.880.421.861)	268.046.988.916
Lãi kỳ trước		-	14.237.993.083	14.237.993.083
Số dư cuối kỳ trước	275.281.179.597	646.231.180	6.357.571.222	282.284.981.999
Số dư đầu năm nay	275.281.179.597	646.231.180	31.327.579.545	307.254.990.322
Lãi trong kỳ này		-	14.817.768.686	14.817.768.686
Nhận lỗ từ cảng Cái Cui		-	(8.873.776.070)	(8.873.776.070)
Số dư cuối kỳ này	275.281.179.597	646.231.180	37.271.572.161	313.198.982.938
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
		Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%) Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	99,01%	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99%	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000
	100%	275.281.179.597	100%	275.281.179.597
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu			06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp đầu kỳ			275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối kỳ			275.281.179.597	275.281.179.597
d) Các quỹ công ty			30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển			646.231.180	646.231.180
			646.231.180	646.231.180

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngoại tệ các loại

	30/06/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	979,77	986,47

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.576.572.414	7.432.781.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.010.486.303	23.749.345.697
	50.587.058.717	31.182.127.556
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	162.778.000	-

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.135.234.672	7.039.783.195
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.012.309.441	4.033.837.083
	25.147.544.113	11.073.620.278

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	211.788.174	132.338.565
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	72.522.218
	211.788.174	204.860.783

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.661.387.982	-
	1.661.387.982	-
Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	1.661.387.982	-

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.564.280	44.564.280
Chi phí khác bằng tiền	60.144.362	71.042.416
	104.708.642	115.606.696

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	283.302.059	-
Chi phí nhân công	5.599.177.045	2.660.103.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.169.250	344.927.479
Thuế, phí, lệ phí	53.012.737	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.342.447.148	-
Chi phí khác bằng tiền	1.497.293.438	2.927.611.572
	9.064.401.677	5.932.642.469

29 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập khác	2.974.339	1
	2.974.339	1

30 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	6.006.245	27.123.104
Chi phí khác	3.885	2.710
	6.010.130	27.125.814

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.564.077.747	830.306.390
Chi phí nhân công	11.760.893.688	4.101.117.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.786.769.996	602.640.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.328.050.669	2.339.657.360
Chi phí khác bằng tiền	2.741.627.660	9.226.929.773
	28.181.419.760	17.100.651.422

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong tương đương tiền	17.515.958.690	-	13.696.547.566	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.249.633.624	-	31.667.046.889	-
Đầu tư ngắn hạn	8.787.350.000	-	8.787.350.000	-
	61.552.942.314	-	54.150.944.455	-
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			70.738.457.601	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác			31.591.895.525	28.062.880.210
Chi phí phải trả			1.438.118.070	3.946.848.403
			103.768.471.196	107.448.186.214

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.515.958.690	-	-	17.515.958.690
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.234.633.624	15.000.000	-	35.249.633.624
	<u>52.750.592.314</u>	<u>15.000.000</u>	<u>-</u>	<u>52.765.592.314</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.696.547.566	-	-	13.696.547.566
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.603.561.889	63.485.000	-	31.667.046.889
	<u>45.300.109.455</u>	<u>63.485.000</u>	<u>-</u>	<u>45.363.594.455</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	9.621.136.073	61.117.321.528	-	70.738.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	8.857.431.241	22.734.464.284	-	31.591.895.525
Chi phí phải trả	1.438.118.070	-	-	1.438.118.070
	<u>19.916.685.384</u>	<u>83.851.785.812</u>	<u>-</u>	<u>103.768.471.196</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	221.136.073	75.217.321.528	-	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	7.578.678.108	20.484.202.102	-	28.062.880.210
Chi phí phải trả	3.946.848.403	-	-	3.946.848.403
	<u>11.746.662.584</u>	<u>95.701.523.630</u>	<u>-</u>	<u>107.448.186.214</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Văn phòng Công ty chỉ thực hiện kinh doanh và theo dõi một số bộ phận duy nhất là kinh doanh dịch vụ cảng.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng tập đoàn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.778.000	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	162.778.000	-
Lãi vay	1.661.387.982	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.661.387.982	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	14.586.000	119.077.200
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	119.077.200
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	14.586.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp	13.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	13.000.000	-
Phải thu khác	3.892.185.443	4.890.286.443
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	348.101.000
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	3.892.185.443	4.542.185.443
Phải trả người bán ngắn hạn	87.465.113	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	87.465.113	-
Phải trả khác	7.496.795.653	6.165.297.279
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	7.496.795.653	6.165.297.279

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng,
TP. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020




Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Q. Tổng Giám đốc	115.200.000	115.200.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	528.000.000	528.000.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black;"/> Thái Thị Mỹ Linh Người lập	 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black;"/> Lâm Trúc Sơn Kế toán trưởng	 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black;"/> Nguyễn Văn Phương Q. Tổng Giám đốc
--	---	---

Cần Thơ, ngày 10 tháng 07 năm 2020

